

Với bộ tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 12: Life on other planets** SBT chi tiết nhất được tổng hợp kiến thức trọng tâm của bài và lời giải hay của các bài tập trong sách bài tập nằm trong nội dung chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng anh lớp 8 giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu và củng cố kiến thức trong quá trình học tập. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo bài viết chi tiết dưới đây.

Giải Tiếng Anh 8 SBT Phonetics trang 43 sách mới

1. Mark the stressed syllables ... (Đánh dấu âm tiết được nhấn mạnh và sau đó đọc to các từ lên. Chú ý đến trọng âm của từ.)

'weightless (không trọng lượng)

re'sourceful (tháo vát)

'airless (thiếu không khí)

'wonderful (rất tốt)

de'lightful (tuyệt vời)

am'bitious (không khát vọng)

'waterless (khô hạn)

re'sourceless (không tháo vát)

'beautiful (đẹp)

'basketful (thùng đầy)

'handless (không tay)

e'motionless (không xúc động)

2. Put the words ... (Đặt các từ ở cột đúng theo trọng âm.)

Oo	oOo	Ooo	oOoo
airless	resourceful	beautiful	ambitionless
weightless	resourceless	wonderful	emotionless
headless	delightful	basketful	
		waterless	

3. Use the words...(Sử dụng các từ trong khung để hoàn thành các câu bên dưới. Sau đó đọc chúng to lên.)

1. waterless	2. resourceful
3. emotionless	4. airless
5. weightless	6. wonderful

Hướng dẫn dịch:

1. Sao hỏa là một hành tinh không có nước, vì vậy chúng ta không thể trồng cây ở đây.
2. Các phi hành gia tập luyện vất vả hơn 1 con người trung bình.
3. Nếu người ngoài hành tinh không khóc hay cười, họ không cảm xúc à?
4. Họ không cần hít thở khí oxi để sống. Điều đó có nghĩa là họ có thể sống trong môi trường không có khí oxi.
5. Các phi hành gia giữ liên lạc với tàu không gian khi đi trong môi trường không trọng lực.
6. Xuyên qua kính thiên văn chất lượng cao, những ngôi sao trông thật tuyệt vời.

Giải SBT Anh 8 mới Vocabulary - Grammar trang 44 - 45 - 46

1. Solve the crossword puzzle. (Giải ô chữ.)

1. SUN	2. MOON
3. ALIEN	4. MARS
5. URANUS	6. SATURN
7. MYTH	8. VENUS
9. TREK	10. NEPTUNE
11. COMET	

Hướng dẫn dịch:

- Một ngôi sao ở trung tâm của hệ mặt trời: Mặt trời
- Một vệ tinh bằng đá quay quanh trái đất: mặt trăng
- Một sinh vật từ hành tinh khác: người ngoài hành tinh
- Hành tinh thứ 4 từ mặt trời: sao hỏa
- Hành tinh được đặt tên dựa theo thánh của bầu trời Hi Lạp: sao Thiên Vương
- Hành tinh được đặt tên dựa trên thánh nông nghiệp Roman: sao Thổ
- Một câu chuyện đặc trưng các vị thánh và quái vật: truyền thuyết
- Hành tinh được đặt tên theo vị nữ thánh tình yêu: sao Kim
- Hành tinh được đặt tên dựa theo thần biển cả Roman: sao Hải Vương
- Một vật thể sáng trong không gian, với cái đuôi dài: sao chổi

2. Fill each blank...(Điền vào mỗi chỗ trống với một từ / cụm từ thích hợp trong khung. Cho nhiều từ/ cụm từ hơn số cần thiết.)

1. flying saucer	2. Aliens	3. creatures
4. surface	5. Trek	6. Trace

Hướng dẫn dịch:

- Một đĩa bay là một máy bay chuyên chở sinh vật từ các hành tinh khác.

2. Các nhà thiên văn học không biết liệu người ngoài hành tinh có giống con người hay không.
3. Không thể có những sinh vật sống có thể sống sót trên một hành tinh lạnh như sao Hải Vương.
4. Không có cây hay động vật trên bề mặt sao hỏa.
5. Tôi ước gì tôi có thể đi bộ từ hành tinh này đến hành tinh khác.
6. Các phi hành gia để lại 1 lá cờ như là 1 dấu vết của đời sống con người trong chuyến đến đi đến Mặt Trăng.

3. Choose the best answer A, B, or C to complete the sentences. (Chọn A, B, hay C để hoàn thành các câu.)

1. B	2. C	3. A	4. A	5. C	6. A
------	------	------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

1. Yuri Gagarin đã trải nghiệm cảm giác mạnh khi ông hoàn thành 1 vòng quay quanh quỹ đạo Trái Đất.
2. Các phi hành gia dùng moon buggies để đi trên bề mặt mặt trăng.
3. Sao chổi là một hệ thống mặt trời nhỏ cái mà phát triển đuôi dài, sáng khi bay qua gần mặt trời.
4. Con người có thể sống trên hành tinh khác nếu họ có bầu không khí giống như ở Trái Đất.
5. Bởi vì Trái Đất không thể cung cấp đủ chỗ ở cho dân số ngày càng tăng, các nhà khoa học đang tìm kiếm những chỗ mới mà con người có thể sống.
6. Quá nhiều khí CO2 trong không khí có thể có độc cho con người khi hít vào.

4. Circle the correct question word in each sentence below. (Chọn từ để hỏi đúng trong mỗi câu bên dưới.)

1. why	2. How	3. what	4. if	5. What
--------	--------	---------	-------	---------

Hướng dẫn dịch:

1. Tom hỏi tôi tại sao mọi người khám phá không gian ngoài vũ trụ.
2. Dean hỏi giáo viên của anh ấy con người có thể sinh sống ở mặt trăng như thế nào.
3. Họ muốn biết cái gì được tìm thấy trên sao Hỏa.
4. Cô bé hỏi liệu cô ấy có thể gọi điện cho người sống ở hành tinh khác được không?
5. Học sinh muốn biết sự giống nhau giữa sao Hỏa và Trái Đất là gì.
6. Nick hỏi tôi rằng liệu có cây xanh trên sao Kim hay không.

5. Choose the correct answer ...(Chọn đáp án đúng A, B hay C để hoàn thành các câu.)

1. A	2. B	3. A	4. B	5. C	6. A
------	------	------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

1. Người đàn ông đã nói với bạn của ông ấy rằng ông ấy đã thấy 1 vật thể bay lạ tới qua.
2. Nhà thiên văn học hỏi đồng nghiệp của mình có phải sắp có chuyến du hành khác vào tháng tới không.
3. Anh ấy hỏi tôi có phải tàu không gian đã được phóng cách đây 2 năm.
4. Các học sinh hỏi các nhà phi hành gia có thể mang đá từ sao Hỏa về hay không.
5. Họ tự hỏi rằng liệu năm tới họ sẽ có thêm khám phá về không gian.
6. Họ hỏi tôi rằng tôi có nhớ những bằng chứng về vật thể bay lạ được ghi nhận năm ngoái.

6. Circle the word...(Khoanh tròn từ hoàn thành đúng mỗi câu bên dưới.)

1. was	2. had been	3. had been
4. was	5. Would	6. Ate

Hướng dẫn dịch:

1. Anh ấy hỏi tôi hành tinh nào lớn nhất trong hệ mặt trời.
2. Giáo viên hỏi James con người đã đến bao nhiêu hành tinh.
3. Mark hỏi bạn anh ấy chứng kiến vật thể bay lạ cuối cùng được báo cáo khi nào.
4. Anh ấy hỏi tôi liệu có mưa trên mặt trăng không.
5. Học sinh tự hỏi khi nào con người sẽ có thể đi trên bề mặt của sao Diêm Vương.
6. Cậu bé hỏi các nhà thiên văn học họ ăn gì khi đang làm nhiệm vụ trong không gian.

7. Rewrite the questions...(Viết lại những câu hỏi dạng tường thuật, bắt đầu bằng những từ được cho sẵn.)

1. Tom asked his teacher if scientists had found water on Mars.
2. Dean asked his father if astronomers had discovered any planets similar to Earth.
3. The little boy asked his mother if they would be able to live on Saturn in the next decade.
4. Nick asked his teacher what would happen if the Sun became cooler.
5. The Science teacher asked her students how many planets there were in the Solar System.
6. Alex asked his friend how long Neil Armstrong had stayed on the Moon.

Hướng dẫn dịch:

1. Tom hỏi giáo viên rằng những nhà khoa học đã tìm ra nước trên sao Hỏa chưa.
2. Dean hỏi ba anh ấy rằng những nhà du hành vũ trụ đã khám phá hắt kỳ hành tinh tương tự như trái đất không.

3. Cậu trai nhỏ thử hỏi mẹ rằng họ sẽ có thể sống trên sao Thổ trong thập kỷ tới được không.
4. Nick hỏi giáo viên anh ta thử rằng họ sẽ có thể sống trên sao Thổ không.
5. Giáo viên môn khoa học hỏi học sinh cô ấy có bao nhiêu hành tinh trong hệ mặt trời.
6. Alex hỏi bạn anh ta Neil Amstrong đã ở trên mặt trăng bao lâu.

Giải sách bài tập Anh 8 Speaking trang 47 sách mới

1. Rearrange the following sentences...(Sắp xếp lại những câu sau theo trật tự đúng để tạo thành 1 bài đối thoại. Sau đó thực hành với bạn của em.)

1. A 2. E 3. B 4. I 5. C
6. F 7. D 8. H 9. G

Hướng dẫn dịch:

1. Có vẻ như bạn có nhiều vấn đề về giao thông trên Trái Đất.
2. Đúng vậy. Mỗi ngày đều có nhiều ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông. Còn trên sao Thổ thì sao?
3. Trên sao Thổ không có giao thông bởi vì dân số rất ít.
4. Bạn đi lại bằng phương tiện gì?
5. Hầu hết chúng mình đều sử dụng phương tiện công cộng như tàu hỏa bay và xe buýt bay.
6. Nghe thú vị thật! Bạn cũng có phương tiện cá nhân chứ?
7. Chắc chắn rồi, chúng mình sử dụng xe bốn bánh hoặc xe đạp 3 bánh để đi những quãng ngắn.
8. Bạn sử dụng nhiên liệu gì cho phương tiện của bạn?
9. Chúng mình không dùng xăng như các bạn. Chúng mình dùng loại chất lỏng đặc biệt lấy được bên dưới lòng đất.

2. Match the questions ... (Nối các câu hỏi với câu trả lời phù hợp. Theo cặp, tạo nên bài đối thoại về cuộc sống ở sao Hải Vương.)

1. E 2. F 3. C 4. A 5. B 6. D 7. G

Hướng dẫn dịch:

1. Nhiệt độ bao nhiêu? – 218 độ C.
2. Thở cái gì? – khí hi-đrô.
3. Ăn và uống cái gì? - cỏ và nhiều thịt/ một loại côn và dâu đặc biệt.
4. Đi lại bằng phương tiện gì? – ô tô bay.
5. Sống ở đâu? - những ngôi nhà với bức tường dày và hệ thống sưởi.
6. Bao nhiêu mùa? mỗi năm 1 mùa.
7. Ngủ bao nhiêu tiếng? – Mỗi ngày có 12 giờ và ngủ 2 giờ mỗi ngày.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 8 Reading trang 48 - 49 sách mới

1. Read this story... (Đọc câu chuyện này và điền vào chỗ trống với 1 từ thích hợp từ trong khung.)

1. named 2. Temperature 3. Surface 4. underground
5. dark 6. Spend 7. Smaller 8. breathe

Hướng dẫn dịch:

Xin chào. Chúng tôi đến từ sao Hải Vương, hành tinh thứ 8 tính từ Mặt Trời trong hệ Mặt Trời. Hành tinh của chúng tôi được đặt tên theo vị thần biển cả Roman. Khí hậu ở đây rất khó chịu, với nhiệt độ khoảng âm 300 độ C, và gió rất mạnh. Thật ra, ở đây có nhiều bão. Mọi thứ đều đóng băng trên bề mặt, vì vậy dĩ nhiên chúng tôi không có nước lỏng. Để có thể sinh tồn ở đây, chúng tôi phải xây dựng toàn bộ thành phố dưới lòng đất, cách bề mặt 100 km. May mắn thay, chúng tôi không có động đất.

Cuộc sống của chúng tôi rất khác so với cuộc sống của các bạn trên Trái Đất. Bởi vì bên dưới lòng đất cực kỳ tối, chúng tôi có hệ thống chiếu sáng rất tốt theo đồng hồ. Mỗi ngày chúng tôi chỉ cần ngủ 3 giờ, 4 giờ làm việc và phần còn lại của ngày chúng tôi dành cho các hoạt động giải trí. Vì vậy cuộc sống rất thoải mái. Hầu hết chúng tôi thích đi đến các thành phố mới để trải nghiệm những điều mới mẻ. Mặc dù chúng tôi nhỏ hơn kích thước của các bạn, chúng tôi có thể di chuyển rất nhanh. Thật ra, chúng tôi có cánh vì vậy chúng tôi có thể bay. Vì vậy, chúng tôi không bị ùn tắc giao thông như trên Trái Đất. Chúng tôi không hít thở khí oxi, chúng tôi sống dựa vào khí hi-đro.

2. Read the following passage and do the tasks that follow. (Đọc bài sau và làm bài tập bên dưới.)

Hướng dẫn dịch:

A. Trái Đất là hành tinh thứ ba gần mặt trời nhất trong hệ Mặt trời. Nó là hành tinh duy nhất mà tên tiếng Anh có tên thế giới hoặc trái đất, không đến từ thần thoại La Mã hoặc Hy Lạp mà từ tiếng Anh cũ và dân tộc Đức.

B. Cũng được đề cập như hành tinh xanh, hoặc Đá hoa xanh bởi vì nó là hành tinh duy nhất mà có nước ở dạng lỏng trên bề mặt. Quả thực, 71% của bề mặt Trái đất được bao phủ bởi nước, mà còn quan trọng cho tất cả các loại sự sống.

C. Trái đất là hành tinh duy nhất mà có thể có bất kỳ dạng sống nào. Nó là nhà cho hàng triệu loài động thực vật, bao gồm dân số loài người trái đất. Cuộc sống trên trái đất được hỗ trợ và nuôi dưỡng bởi sinh quyển và chất khoáng của nó.

D. Những nhà khoa học đang tìm những hành tinh khác để chứa dân số đang tăng. Họ tin rằng nếu loài người có thể tìm thấy nước trên sao Hỏa và cây cối, họ có thể tăng lượng ôxi trên đó. Điều đó sẽ tăng cơ hội loài người có thể sống trên đó trong tương lai.

Đáp án:

a. Đọc và tìm từ trong bài có nghĩa tương tự với những từ hay cụm từ này.

1. mythology 2. nourished 3. biosphere

4. accommodate 5. trace

b. Bây giờ quyết định đoạn văn nào mà mỗi chi tiết bên dưới được đề cập đến. Viết A, B, C hay D vào chỗ trống.

1. A 2. C 3. B 4. A 5. D

c. Đọc lại bài và trả lời những câu hỏi

1. The World, the Blue Planet, or the Blue Marble.
2. It has the names because it's the only planet that has water in liquid form on the surface.
3. Earth is the third-closest planet to the Sun in the Solar System.
4. Earth is the only planet that has been known to host life.
5. Life on Earth is supported and nourished by its biosphere and minerals.
6. There are water and trees on Earth, but there are no such things on Mars.

Hướng dẫn dịch:

1. Những tên gọi khác của Trái Đất là gì? - Thế giới, hành tinh xanh, viên đá quý xanh
2. Tại sao Trái Đất được gọi như vậy? - Bởi vì nó là hành tinh duy nhất có nước ở dạng chất lỏng trên bề mặt.
3. Trái Đất ở đâu trong hệ mặt trời? - Ở vị trí thứ 3 gần nhất tính từ mặt trời.
4. Trái Đất khác những hành tinh đã biết khác như thế nào? - Trái Đất là hành tinh duy nhất được biết đến có sự sống.
5. Sự sống trên trái đất được cung cấp bởi cái gì? - Sự sống trên trái đất được cung cấp và nuôi dưỡng bởi khí quyển và các khoáng sản.
6. Bạn nghĩ sự khác nhau lớn nhất giữa Trái Đất và sao Hỏa là gì? - Có nước và cây trên Trái Đất, nhưng không có những thứ này trên sao Hỏa.

3. Read the text...(Đọc bài và xác định những câu sau là đúng hay sai.)

Hướng dẫn dịch:

Cách đây rất lâu, con người nghĩ rằng mặt trăng là thần thánh và sẽ không bao giờ chạm được đến nó. Tuy nhiên, sự phát minh ra kính thiên văn năm 1608 đã giúp con người hiểu biết về mặt trăng rằng cũng là một hành tinh khác. Và ước mơ của con người đi trên mặt trăng đột nhiên có vẻ khả thi.

Giấc mơ đã trở thành hiện thực vào ngày 20 tháng 7 năm 1969 khi Neil Armstrong, Buzz Aldrin và Michael đã bay đến Mặt Trăng như một phần của nhiệm vụ mặt trăng Appollo 11. Neil Armstrong là người đầu tiên bước chân lên mặt trăng. Sau khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp tĩnh lặng, riêng biệt của bề mặt Mặt Trăng, Neil Armstrong và Buzz Aldrin đã hoàn thành nhiệm vụ, trong khi Collin ở trong quỹ đạo để bảo trì hệ thống trên tàu không gian.

Trong suốt thời gian ở lại hơn 21 giờ trên bề mặt Mặt Trăng, các phi hành gia không hề thấy mưa và gió. Mặt Trăng giống như sa mạc với những đồng bằng, núi và thung lũng. Bề mặt được bao phủ bởi bụi, cái mà dầy đến nỗi để lại dấu chân nơi họ đã đi qua. Họ đã để lại 1 lá cờ Mỹ và quay trở lại Trái Đất với 46 pounds đá của mặt trăng để nghiên cứu khoa học.

1. F 2. T 3. T 4. F 5. T 6. F

Đáp án:

Hướng dẫn dịch:

1. Con người biết tất cả về mặt trăng khoảng hàng ngàn năm.
2. Sự phát minh kính thiên văn giúp con người hiểu rằng mặt trăng không phải là thần thánh.
3. Chỉ có Neil Armstrong và Buzz Aldrin đã bước lên mặt trăng.
4. Khí hậu trên mặt trăng rất khó chịu, với nhiều mưa và gió.
5. Các phi hành gia ở lại trên mặt trăng gần 1 năm.
6. Họ mang về bụi và đá như quà lưu niệm.

Giải sbt Tiếng Anh 8 mới Writing trang 50

1. Rewrite the sentences in reported speech. (Viết lại các câu dạng câu tường thuật.)

1. Sally thought residents from Venus had very big eyes round faces.
2. Jane believed that those aliens could understand all languages humans people.
3. Tom asked how the people from Venus could travel around.
4. Dean thought the people from Venus might travel in flying cars.
5. Edward asked his friend how people on Venus communicated.
6. Nick asked his teacher if those people would become good friends with humans.

Hướng dẫn dịch:

1. Sally nghĩ rằng những cư dân từ sao Kim có đôi mắt to trên mặt.
2. Jane tin rằng những người ngoài hành tinh đó có thể hiểu được tất cả ngôn ngữ loài người.
3. Tom hỏi cách mà người từ sao Kim có thể đi lại.
4. Dean nghĩ rằng con người từ sao Kim có thể đi du lịch bằng xe bay.
5. Edward hỏi bạn anh ấy cách mà con người trên sao Kim giao tiếp.
6. Nick thử hỏi giáo viên rằng những người đã trở thành bạn tốt với con người không.

2. Imagine you have been ... (Tưởng tượng em đã đến mặt trăng và gặp cư dân ở đây. Viết một lá thư cho bạn của em và mô tả người mà em đã gặp.)

Dear Dean,

It's great to know that you travelled to Mars during your summer vacation. We also had a memorable time on the Moon. We were lucky to meet some of the residents there. They are very friendly. They welcomed us. The climate there is very hot more than 200 degree celcius. They have the thick skin that can stand the hot temperature. They eat the rock and drink the liquid from the rock. There is no traffic jam there because they use the flying cars. They have two big eyes and ears. Their skin is green and thick. They also have the tails.

Hope to see you soon to show you the pictures we took there.

Love,

Tom

Hướng dẫn dịch:

Chào Dean,

Thật tuyệt khi biết rằng bạn đã đi đến sao Hỏa trong kỳ nghỉ hè. Chúng mình đã có một thời gian đáng nhớ trên mặt trăng. Chúng mình đã may mắn gặp được vài cư dân ở đó. Họ rất thân thiện. Họ chào mừng chúng mình. Thời tiết ở đó rất nóng, hơn 200 độ C. Họ có da dày mà có thể chịu được nhiệt độ nóng. Họ ăn đá và uống chất lỏng từ trong đá. Không có kẹt xe ở đó bởi vì họ dùng xe bay. Họ có 2 mắt to và đôi tai to. Da họ màu xanh lá và dày. Họ còn có đuôi nữa.

Hy vọng gặp bạn sớm để mình cho bạn xem hình mình chụp ở đó.

Thân,

Tom

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download tài liệu giải bài tập SBT Tiếng anh lớp 8 **Unit 12: Life on other planets** sách mới được tổng hợp chi tiết, hay nhất với file word, pdf hoàn toàn miễn phí. Chúc các em học sinh đạt được những kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới.